

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN CHÂU
TỈNH SƠN LA

Bản án số: 116/2019/HSST.

Ngày: 07 – 10 - 2019.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SƠN LA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Kỳ Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Quốc + Ông Hoàng Trung Trọng.

Thư ký phiên toà: Ông Lê Văn Tiến Dũng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thuận Châu.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên toà: Ông Lò Văn Thức – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03 và 07 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 107/2019/HSST ngày 22 tháng 8 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2019/QĐXXST – HS ngày 20 tháng 9 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Cà Văn T1; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 08/02/1982 tại: huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản N T, xã C L, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Cà Văn P (Đã chết) và bà Quảng Thị B, sinh năm: 1958; bị cáo có vợ là Cà Thị B, sinh năm: 1982 và có 02 con (Lớn 16 tuổi, nhỏ 12 tuổi); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 31/7/2013 bị Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000đ về hành vi đánh bạc. Trong vụ án này bị cáo bị bắt giam giữ từ ngày 14/6/2019 cho đến ngày 05/7/2019 thì được tại ngoại, cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

2. Cà Văn T2; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 10/01/1983 tại: huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản N T, xã C L, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hoá: Không biết chữ; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Cà Văn N, sinh năm: 1962 và bà Lò Thị L, sinh năm: 1962; bị cáo có vợ là Lò Thị T, sinh năm: 1985 và có 02 con (Lớn 16 tuổi, nhỏ 14 tuổi); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 31/7/2013 bị Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000đ về hành vi đánh bạc; Tại bản án số: 02/2013/HSST ngày 29/10/2013 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La đã xử phạt bị cáo Cà Văn T2 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng về tội: Trộm cắp tài sản; ngày 18/7/2016 bị Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000đ

về hành vi đánh bạc. Trong vụ án này bị cáo bị bắt giam giữ từ ngày 14/6/2019 cho đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Cà Văn D1; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 26/6/1986 tại: huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản N T, xã C L, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Cà Văn P, sinh năm: 1958 và bà Lò Thị L, sinh năm: 1962; bị cáo có vợ là Lường Thị Q, sinh năm: 1993 và có 01 con 01tuổi; tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt giam giữ từ ngày 14/6/2019 cho đến ngày 23/6/2019 thì được tại ngoại, cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

4. Cà Văn D2; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 21/11/1992 tại: huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản N T, xã C L, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Cà Văn P, sinh năm: 1958 và bà Lò Thị L, sinh năm: 1962; bị cáo có vợ là Lò Thị V, sinh năm: 2001 và có 01 con 01tuổi; tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt giam giữ từ ngày 14/6/2019 cho đến ngày 23/6/2019 thì được tại ngoại, cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

5. Cà Văn H; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 11/5/1988 tại: huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản N T, xã C L, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Cà Văn C, sinh năm: 1957 và bà Cà Thị T, sinh năm: 1957; bị cáo có vợ là Quảng Thị U, sinh năm: 1988 và có 01 con 05tuổi; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt giam giữ từ ngày 14/6/2019, được tại ngoại ngày 23/6/2019, cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

6. Cà Văn T3; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 02/7/1986 tại: huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản N T, xã C L, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hoá: 02/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Cà Văn N, sinh năm: 1962 và bà Lò Thị L, sinh năm: 1962; bị cáo có vợ là Lò Thị D, sinh năm: 1983 và có 01 con 14 tuổi; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 31/7/2013 bị Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000đ về hành vi đánh bạc; Tại bản án số: 39/2016/HSST ngày 21/01/2016 của Tòa án nhân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La đã xử phạt bị cáo Cà Văn T3 04 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội: Đánh bạc. Trong vụ án này bị cáo bị bắt giam giữ từ ngày 14/6/2019 cho đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Tên bản N T – nơi cư trú của các bị cáo vào thời điểm xét xử được xác định theo phụ lục danh sách các bản, tiểu khu, tổ dân phố sáp nhập và đặt tên, ban hành kèm theo Nghị quyết số: 119/NQ-HĐND ngày 12/6/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 13 giờ 40 phút ngày 14/6/2019, tổ công tác Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, phát hiện bắt quả tang các đối tượng Cà Văn T1, Cà Văn T2, Cà Văn D1, Cà Văn D2, Cà Văn H và Cà Văn T3 (Cùng trú tại: Bản N T – C L – Thuận Châu – Sơn La) về hành vi đánh bạc tại nhà ông Cà Văn Th (Bản N T, xã C L). Vật chứng tạm giữ gồm:

- Tiền NHNN Việt Nam 3.400.000đ (ba triệu bốn trăm nghìn đồng) tạm giữ trên chiếu bạc tại vị trí ngồi của Cà Văn T1;

- Tiền NHNN Việt Nam 7.200.000đ (Bảy triệu hai trăm nghìn đồng) tạm giữ trên chiếu bạc tại vị trí ngồi của Cà Văn T2;

- Tiền NHNN Việt Nam 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) tạm giữ trên chiếu bạc tại vị trí ngồi của Cà Văn D1;

- Tiền NHNN Việt Nam 2.200.000đ (Hai triệu hai trăm nghìn đồng) tạm giữ trên chiếu bạc tại vị trí ngồi của Cà Văn D2;

- Tiền NHNN Việt Nam 2.000.000đ (Hai triệu đồng) tạm giữ trên chiếu bạc tại vị trí ngồi của Cà Văn Hồng;

- Tiền NHNN Việt Nam 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) tạm giữ trên chiếu bạc tại vị trí ngồi của Cà Văn T3;

- 01 chiếc chiếu nhựa màu đỏ - trắng, kích thước 1,6 x 2m, đã qua sử dụng;

- 01 bộ bài tú lơ khơ màu đỏ 36 quân bài từ A đến 9;

- 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu HUAWEI Y6 PRIME 2018 của Cà Văn D1;

- 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY J5 PRIME màu vàng của Cà Văn T1;

- 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY J2 PRIME màu hồng của Cà Văn T2.

- Tiền NHNN Việt Nam 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) do Cà Văn T1 tự nguyện giao nộp vào hồi 17 giờ 30 phút ngày 14/6/2019.

Ngày 18/6/2019 Cơ quan CSĐT Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La đã ra Quyết định trưng cầu giám định đối với toàn bộ số tiền tạm giữ trong vụ án.

Tại bản kết luận giám định số: 1154 ngày 24/6/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La có nội dung kết luận: Số tiền có mã hiệu như trong biên bản mở niêm phong và giao, nhận đối tượng giám định lập ngày 18/6/2019 của Phòng PC09 – Công an Sơn La là tiền thật.

Tại Cơ quan CSĐT Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, các bị can Cà Văn T1, Cà Văn T2, Cà Văn D1, Cà Văn D2, Cà Văn H và Cà Văn T3 đã khai nhận như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 14/6/2019 Cà Văn T1 gọi điện thoại rủ Cà Văn T2 và Cà Văn D1 đến nhà ông Cà Văn Th để đánh bạc. T2 và D1 nhất trí sau đó T1, T2 và D1 cùng đến nhà ông Th (Người cùng bản), khi tới nhà ông Th thì cả bọn ngồi uống nước sau khoảng 15 phút thì ông Th đi làm nướng lúc này T1 lấy bộ tú lơ khơ mang theo từ nhà ra rủ T2 và D1 ngồi xuống chiếu (Gia đình ông Th thường dùng ăn cơm) đánh bạc hình thức chơi 03 cây cụ thể như sau: Dùng 36 quân bài (Từ A đến 9 đủ các chất rô, cơ, nhép bích) chia đều cho mỗi người 03 quân, sau đó tính tổng điểm của 03 quân bài theo thang điểm 10 nếu ai cao điểm nhất là người thắng bạc; trường hợp trong ván bạc có 02 người có số điểm bằng nhau thì sẽ so theo chất (Rô, cơ, nhép bích); người thắng bạc có số điểm tối đa là 10 được quyền chia bài; tỷ lệ cá cược trong 01 ván bài là 50.000đ/ván/người. Sau khi T1, T2 và D1 đánh bạc được khoảng 30 phút thì lần lượt có Cà Văn D2, Cà Văn H, Cà Văn T3, Cà Văn Minh và Lò Văn Hải đến nhà ông Thành chơi nhìn thấy T1, T2, D1 đang đánh bạc. Thấy vậy Cà Văn D2, Cà Văn H, Cà Văn T3 vào tham gia đánh bạc, riêng Minh và Hải thì không chơi mà chỉ ngồi xem. 06 đối tượng (T1, T2, D1, D2, H và T3) cùng nhau đánh bạc đến khoản 13 giờ 15 phút cùng ngày thì bị tổ công tác Công an huyện Thuận Châu phát hiện bắt quả tang như đã nêu ở trên.

Quá trình điều tra các bị cáo đã khai nhận về số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc như sau: Trong tổng số tiền đánh bạc bị tạm giữ là 20.400.000 (Hai mươi triệu bốn trăm nghìn đồng), thì:

- Bị can T1 có 7.500.000đ để đánh bạc, khi bị bắt T1 còn 6.900.000đ (thua bạc 600.000đ);
- Bị can T2 có 5.550.000đ để đánh bạc, khi bị bắt T2 có 7.200.000đ (thắng bạc 1.650.000đ);
- Bị can D1 có 2.000.000đ để đánh bạc, khi bị bắt D1 còn 1.500.000đ (thua bạc 500.000đ);
- Bị can D2 có 2.300.000đ để đánh bạc, khi bị bắt D2 còn 2.200.000đ (thua bạc 100.000đ);
- Bị can H có 1.550.000đ để đánh bạc, khi bị bắt H có 2.000.000đ (thắng bạc 450.000đ);
- Bị can T3 có 1.500.000đ để đánh bạc, khi bị bắt T3 còn 600.000đ (thua bạc 900.000đ).

Tại bản Cáo trạng số: 104/CT-VKS ngày 20/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, đề nghị truy tố các bị can Cà Văn T1, Cà Văn T2, Cà Văn D1, Cà Văn D2, Cà Văn H và Cà Văn T3 về tội: Đánh bạc, theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, giữ quan điểm truy tố các bị cáo với tội danh và điều khoản luật áp dụng như trên.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Cà Văn T1, Cà Văn T2, Cà Văn D1, Cà Văn D2, Cà Văn Hồng và Cà Văn T3 phạm tội: Đánh bạc.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321 – điểm s khoản 1 Điều 51 – Điều 36, 58 Bộ luật hình sự;

- Xử phạt bị cáo Cà Văn T2 mức án từ 24 đến 30 tháng cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo Cà Văn T3 mức án từ 24 đến 30 tháng cải tạo không giam giữ.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321 – các điểm i, s khoản 1 Điều 51 – Điều 36, 58 Bộ luật hình sự;

- Xử phạt bị cáo Cà Văn T1 mức án từ 24 đến 30 tháng cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo Cà Văn D1 mức án từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo Cà Văn D2 mức án từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo Cà Văn H mức án từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ.

* Miễn cho các bị cáo không phải thực hiện nghĩa vụ khấu trừ một phần thu nhập theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự. Do các bị cáo không có khả năng thi hành.

Xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng các điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự;

- Tuyên tịch thu nộp ngân sách nhà nước: Số tiền 20.400.000đ (Hai mươi triệu bốn trăm nghìn đồng) các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội; 03 chiếc điện thoại di động các bị cáo (D1, T1, T2) liên quan đến hành vi phạm tội.

- Tuyên tịch thu tiêu huỷ: 36 quân bài tú lơ khơ và 01 chiếc nhựa các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

Đề nghị áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Miễn cho bị cáo (D2, T1, T3, D1) không phải nộp án phí hình sự sơ thẩm bởi các bị cáo thuộc hộ gia đình nghèo.

Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Buộc các bị cáo H và T2 nộp án phí hình sự sơ thẩm, mỗi bị cáo là 200.000đ.

Tại phiên tòa bị cáo T1 có ý kiến: Thừa nhận ngày 14/6/2019 đã rủ rê các bị cáo Cà Văn T2 và Cà Văn D1 đánh bạc ăn thua bằng tiền. Nay bị cáo đã biết tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Tại phiên tòa các bị cáo Cà Văn T2 và Cà Văn D1 thừa nhận ngày 14/6/2019 đã nghe theo lời rủ rê của bị cáo Tiên mà tham gia đánh bạc tại nhà ông Cà Văn Th1. Nay đã biết tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Tại phiên tòa các bị cáo D2, H và T3 có ý kiến: Thừa nhận ngày 14/6/2019 khi đến nhà ông Th chơi thì nhìn thấy các bị cáo T1, T2 và D1 đang đánh bạc, do vậy đã vào tham gia đánh bạc cùng. Nay đã biết tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về nội dung: Ngày 14/6/2019, tại nhà ông Cà Văn Th (Bản N T – C L – Thuận Châu - Sơn La) các bị cáo Cà Văn T1, Cà Văn T2, Cà Văn D1, Cà Văn D2, Cà Văn H và Cà Văn T3 đã bị bắt quả tang về hành vi đánh bạc với hình thức ba cây, với mục đích sát phạt tài sản của nhau. Hội đồng xét xử xét thấy: Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc bị phát hiện thu giữ là 20.400.000đ (Hai mươi triệu bốn trăm nghìn đồng), bản thân các bị cáo đều là những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự để nhận thức được mọi hành vi đánh bạc khi không được nhà nước cho phép đều là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm thỏa mãn động cơ sát phạt nhau về kinh tế. Xét lời khai của các bị cáo là phù hợp với thời gian, địa điểm phạm tội; phù hợp với vật chứng thu giữ là số tiền 20.400.000đ, bộ bài tú lơ khơ và chiếc chiếu sử dụng để đánh bạc; phù hợp với kết luận giám định về số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Trên cơ sở đó đã đủ căn cứ kết luận các bị cáo Cà Văn T1, Cà Văn T2, Cà Văn D1, Cà Văn D2, Cà Văn H và Cà Văn T3 đã phạm vào tội: Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Như quan điểm truy tố và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại Điều 321 BLHS năm 2015 quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền

từ 20.000.000đ đến 100.000.000đ, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội bởi; Hành vi đánh bạc do các bị cáo thực hiện thuộc một trong các tệ nạn xã hội bị pháp luật nghiêm cấm được quy định trong Bộ luật hình sự. Tính nguy hiểm của tội phạm này là nguyên nhân gián tiếp làm phát sinh các loại tội phạm khác trong xã hội gia tăng gây mất trật tự an ninh ở địa phương. Do đó cần áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự với chế tài hình phạt tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật về tội phạm và hình phạt.

[4] Trong vụ án các bị cáo cùng thực hiện một hành vi phạm tội, trong đó bị cáo T1 là người khởi xướng, các bị cáo còn lại giữ vai trò hưởng ứng tích cực cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội. Do đó cần áp dụng Điều 58 Bộ luật hình sự để đánh giá tính chất, vai trò thực hiện hành vi phạm tội của mỗi bị cáo làm căn cứ quyết định hình phạt.

[5] Tình tiết nhân thân:

- Bị cáo Cà Văn T1 là người đã từng bị xử phạt hành chính (Ngày 31/7/2013, bị Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La xử phạt hành chính 1.500.000đ về hành vi đánh bạc. Mặc dù tính đến thời điểm phạm tội trong vụ án này bị cáo đã được coi là chưa bị xử lý hành chính (Điều 7 Luật xử lý vi phạm hành chính). Tuy nhiên cần xem xét bị cáo là người có nhân thân xấu khi quyết định hình phạt.

- Bị cáo Cà Văn T2 là người đã từng bị kết án (Bản án số: 02/2013/HSST ngày 29/10/2013 của Tòa án nhân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La đã xử phạt bị cáo Cà Văn T2 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng về tội: Trộm cắp tài sản; đã từng bị xử phạt hành chính (Ngày 18/7/2016 bị Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000đ về hành vi đánh bạc). Mặc dù tính đến thời điểm phạm tội trong vụ án này bị cáo đã được coi là chưa bị xử lý hành chính và đương nhiên xóa án tích Tuy nhiên cần xem xét bị cáo là người có nhân thân xấu khi quyết định hình phạt.

- Bị cáo Cà Văn T3 là người đã từng bị xử phạt hành chính (Ngày 31/7/2013 bị Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000đ về hành vi đánh bạc); đã từng bị kết án (Bản án số: 39/2016/HSST ngày 21/01/2016 của Tòa án nhân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La đã xử phạt bị cáo Cà Văn T3 04 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội: Đánh bạc). Mặc dù tính đến thời điểm phạm tội trong vụ án này bị cáo đã được coi là chưa bị xử lý hành chính và đương nhiên xóa án tích Tuy nhiên cần xem xét bị cáo là người có nhân thân xấu khi quyết định hình phạt.

- Bị cáo Cà Văn H nguyên là Đảng viên ĐCS Việt Nam (Đã bị Đình chỉ sinh hoạt Đảng) là người có nhận thức pháp luật đầy đủ mà vẫn phạm tội. Do vậy là tình tiết cần xem xét khi quyết định hình phạt.

[6] Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo cùng không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình.

[7] Tình tiết giảm nhẹ: Xét quá trình điều tra, truy tố và xét xử cả 06 bị cáo cùng có thái độ khai báo thành khẩn. Do đó cùng được áp dụng tình tiết giảm nhẹ “ *Người phạm tội thành khẩn khai báo* ” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với các bị Cà Văn T1, Cà Văn D1, Cà Văn D2 và Cà Văn H là những người phạm tội lần đầu, do đó được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[8] Xét nguyên nhân, điều kiện dẫn đến hành vi phạm tội của các bị cáo có phần do nhận thức không đầy đủ về tính nguy hiểm đối với loại tội phạm này từ đó dẫn đến thái độ thiếu ý thức đối với bản thân mà nhất phạm tội; Xét giá trị tài sản đánh bạc của các bị cáo cộng lại trong vụ án không lớn, ngoài ra các bị cáo đều là lao động chính trong gia đình. Do vậy Hội đồng xét xử thống nhất quyết định không buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù giam mà cho các bị cáo được chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tại địa phương là cũng đảm bảo được mục đích của hình phạt nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo ý thức tuân thủ pháp luật.

[9] Các bị cáo (T1, D1, D2 và H) đang tại ngoại và hình phạt bị áp dụng là cải tạo không giam giữ, do vậy thời gian đã bị tạm giữ tạm giam được quy đổi thành thời gian đã chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ để khấu trừ vào hình phạt phải chấp hành của bản án.

[10] Các bị cáo T2, T3 đang bị tạm giam, cần áp dụng khoản 3 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự; để tuyên trả tự do cho các bị cáo ngay tại phiên tòa (Nếu như các bị cáo không bị giam giữ về hành vi phạm tội khác). Thời gian đã bị tạm giữ tạm giam được quy đổi thành thời gian đã chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ để khấu trừ vào hình phạt phải chấp hành của bản án.

[11] Đối với hình phạt bổ sung được quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự. Căn cứ vào kết quả xác minh xác định trong vụ án có 04 bị cáo thuộc hộ gia đình nghèo và 02 bị cáo còn lại thì không có tài sản để thi hành. Do vậy Hội đồng xét xử thống nhất không áp dụng.

[12] Đối với việc khấu trừ một phần thu nhập quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự; xét các bị cáo cùng không có khả năng thi hành, nên Hội đồng xét xử thống nhất miễn áp dụng đối với tất cả các bị cáo.

[13] Xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền 20.400.000đ (Hai mươi triệu bốn trăm nghìn đồng) các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và 03 chiếc điện thoại di động các bị cáo (D1, T1, T3) dùng liên lạc trước khi đánh bạc. Cần áp dụng các điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; các điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; để tuyên tịch thu nộp ngân sách nhà nước;

- Đối với 01 chiếc nhựa và 36 quân bài tú lơ khơ là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, cần áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; để tuyên tịch thu tiêu hủy.

[14] Đối với tình tiết về địa điểm các bị cáo đánh bạc tại nhà ông Cà Văn Th. Kết quả điều tra đã xác định: Sau khi để các bị cáo (T1, T2 và D1) ở lại nhà uống nước thì ông Th đi làm nương; việc các bị cáo tự ý đánh bạc tại nhà mình ông Th hoàn toàn không biết. Do vậy cơ quan Điều tra không đề cập vấn đề xử lý đối với ông Th là có căn cứ.

[15] Án phí:

- Các bị cáo Cà Văn H và Cà Văn T2 phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Các bị cáo Cà Văn D2, Cà Văn T1, Cà Văn T3 và Cà Văn D1 thuộc hộ gia đình nghèo nên được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm, theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[16] Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án, theo quy định tại các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố các bị cáo Cà Văn T1, Cà Văn T2, Cà Văn D1, Cà Văn D2, Cà Văn H và Cà Văn T3 phạm tội: Đánh bạc.

Áp dụng khoản 1 Điều 321 – điểm s khoản 1 Điều 51 – Điều 36, 58 Bộ luật hình sự;

- Xử phạt bị cáo Cà Văn T2 30 (Ba mươi) tháng cải tạo không giam giữ, Khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam 03 (Ba) tháng 26 (Hai mươi sáu) ngày, quy đổi thành 11 (Mười một) tháng 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại là 18 (Mười tám) tháng 12 (Mười hai) ngày, tính từ ngày UBND xã C L, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án của Tòa án.

- Xử phạt bị cáo Cà Văn T3 30 (Ba mươi) tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam 03 (Ba) tháng 26 (Hai mươi sáu) ngày, quy đổi thành 11 (Mười một) tháng 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại là 18 (Mười tám) tháng 12 (Mười hai) ngày, tính từ ngày UBND xã C L, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án của Tòa án.

Áp dụng khoản 1 Điều 321 – các điểm i, s khoản 1 Điều 51 – Điều 36, 58 Bộ luật hình sự;

- Xử phạt bị cáo Cà Văn T1 24 (Hai mươi tư) tháng cải tạo không giam giữ. Khẩu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam 22 (Hai mươi hai) ngày, quy đổi thành 02 (Hai) tháng 06 (Sáu) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại là 21 (Hai mươi một) tháng 24 (Hai mươi tư) ngày, tính từ ngày UBND xã C L, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án của Tòa án.

- Xử phạt bị cáo Cà Văn H 20 (Hai mươi) tháng cải tạo không giam giữ. Khẩu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam 09 (Chín) ngày, quy đổi thành 27 (Hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại là 19 (Mười chín) tháng 03 (Ba) ngày, tính từ ngày UBND xã C L, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án của Tòa án.

- Xử phạt bị cáo Cà Văn D1 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Khẩu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam 09 (Chín) ngày, quy đổi thành 27 (Hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại là 17 (Mười bảy) tháng 03 (Ba) ngày, tính từ ngày UBND xã C L, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án của Tòa án.

- Xử phạt bị cáo Cà Văn D2 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Khẩu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam 09 (Chín) ngày, quy đổi thành 27 (Hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại là 17 (Mười bảy) tháng 03 (Ba) ngày, tính từ ngày UBND xã C L, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án của Tòa án.

* Miễn việc khấu trừ một phần thu nhập đối với tất cả các bị cáo.

Áp dụng khoản 3 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tuyên trả tự do cho các bị cáo Cà Văn T2 và Cà Văn T3 tại phiên tòa nếu như các bị cáo không bị tạm giam về hành vi phạm tội khác.

2. Xử lý vật chứng:

Áp dụng các điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự;

- Tuyên tịch thu nộp ngân sách nhà nước:

+ Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam 20.400.000đ (Hai mươi triệu bốn trăm nghìn đồng) được để trong 01 phong bì thư niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Sơn La, mặt sau có dấu niêm phong của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La, ngoài ghi tiền hoàn lại sau giám định vụ Cà Văn T1 cùng đồng bọn - đánh bạc;

+ 01 (Một) chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu HUAWEI Y6 PRIME 2018, có số IMEI 1: 867273039809780, số IMEI 2: 867273039809798, màu đen, có số thuê bao 0382602115, đã qua sử dụng cũ, tạm giữ của bị cáo Cà Văn D1;

+ 01 (Một) chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY J5 PRIME, có số IMEI 1: 355079086680, số IMEI 2: 355080086660688 màu vàng, có số thuê bao 0372679029, đã qua sử dụng cũ, tạm giữ của bị cáo Cà Văn T1;

+ 01 (Một) chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY J2 PRIME, có số IMEI 1: 359498094128322, số IMEI 2: 359499094128320 màu vàng hồng, có số thuê bao 0394471373, đã qua sử dụng cũ, tạm giữ của bị cáo Cà Văn T2;

- Tuyên tịch thu tiêu hủy:

+ 36 (Ba mươi sáu) quân bài tú lơ khơ, có số thứ tự từ A đến 9, tạm giữ nơi các đối tượng ngồi đánh bạc;

+ 01 (Một chiếc chiếu nhựa, màu đỏ trắng vàng, kích thước 1,6 x 2m. Đã qua sử dụng.

3. Án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Buộc các bị cáo Cà Văn H và Cà Văn T2 nộp án phí hình sự sơ thẩm, mỗi bị cáo là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

- Miễn cho bị cáo Cà Văn D2, Cà Văn T1, Cà Văn T3 và Cà Văn D1 không phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Áp dụng các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Báo cho các bị cáo biết quyền được kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Toà án ND tỉnh;
- Viên kiểm sát (02 bản);
- Sở tư pháp;
- Công an huyện;
- THA hình sự
- THA dân sự huyện;
- Trại giam;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VPTA (01 bản).

T. M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Kỳ Việt